

Số: 135/2021/QĐST-HNGĐ

Nhà Bè, ngày 19 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 86, 107, 110, 116, 117, 118, 119 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Trần Quang D – Sinh năm: 1966

2/ Bà Trần Ngọc V – Sinh năm: 1970

Cùng địa chỉ: Số Q, Nguyễn Văn Tạo, Ấp 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, việc cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa ông Trần Quang D và bà Trần Ngọc V là hoàn toàn tự nguyện và vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ vợ chồng: Ông Trần Quang D và bà Trần Ngọc V cùng thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Có 01 con chung là Trần Quang S – Sinh ngày 27/7/2011.

Ông Trần Quang D và bà Trần Ngọc V cùng thống nhất giao con chung là Trần Quang S cho bà Vân trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

c. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Quang D và bà Trần Ngọc V cùng thống nhất ông D sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi trẻ

Trần Quang S đủ 18 tuổi, bắt đầu thực hiện từ tháng 5/2021 vào ngày 05 dương lịch hàng tháng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, đến hạn cấp dưỡng và bà Trần Ngọc V có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trần Quang D chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì ông Trần Quang D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bà Trần Ngọc V có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Trần Quang D đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

d. Về tài sản chung: Ông Trần Quang D và bà Trần Ngọc V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

e. Về các vấn đề khác: Ông Trần Quang D và bà Trần Ngọc V cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Quang D tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm và cấp dưỡng là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng và bà Trần Ngọc V tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông D và bà V đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0073389 ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè. Ông Trần Quang D và bà Trần Ngọc V đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án Dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã H, huyện Nhà Bè,
- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VP.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thúy